TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53**/2022/HS-ST
Ngày: 03/8/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Tuấn Tú.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Anh Tuấn;**

2. Bà **Trần Thị Sáu.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bàn Thị Bích Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2022/TLST-HS ngày 10/6/2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HS ngày 21/7/2022 đối với các bị cáo:

1. HOÀNG THỊ P (tên gọi khác: Không), sinh ngày 10/12/1990 tại huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn T, xã YL, huyện C.H, tỉnh T.Q; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn Chấp và bà Ma Thị Kinh; Có chồng Ma Văn Én và có 02 con. Đảng: Không, đoàn thể: Không.

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. HOÀNG THỊ T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 05/05/1995 tại huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn T, xã YL, huyện C.H, tỉnh T.Q; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 0/12 (không biết chữ); Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn Tuyên và bà Triệu Thị Thim; Có chồng Ma Văn H và 01 con. Đảng: Không; đoàn thể: Không.

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. MA VĂN H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 27/10/1991 tại huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn T, xã YL, huyện C.H, tỉnh T.Q; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam;

Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ma Văn Nhu (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thường; Có vợ Hoàng Thị T và 01 con. Đảng: Không; đoàn thể: Không.

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị P:* Bà Vũ Thanh Thủy – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang *(Có mặt)*.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị T và bị cáo Ma Văn H:* Ông Phạm Thế Nghĩa - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang *(Có mặt)*.

- *Nguyên đơn dân sự*: Ủy ban nhân dân xã Y.L, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Xuân Nguyên, chức vụ Chủ tịch UBND xã Y.L, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Sầm Văn C, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Y.L, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, địa chỉ: Thôn Đầu Cầu, xã Y.L, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang *(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Ma Văn K, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn T, xã YL, huyện C.H, tỉnh T.Q *(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2021, không rõ ngày cụ thể Hoàng Thị P sinh năm 1990 và Hoàng Thị T sinh năm 1995, đều trú cùng thôn Tin Kéo, xã Y.L, huyện Chiêm Hóa đi lấy củi tại khu rừng phòng hộ Khuổi Pết thuộc thôn Tin Kéo, xã Y.L, huyện Chiêm Hóa. Quá trình lấy củi P quan sát thấy khu đất vị trí đang lấy củi tốt cho việc trồng cây, sau khi lấy củi xong P nói với T *"Khu vực này đẹp, chị em mình cùng nhau phát để trồng cây bồ đề đi",* thống nhất chia nhau mỗi người sử dụng một nửa diện tích thửa đất sau khi phát xong, T trả lời *"Vâng"*, rồi cùng nhau dùng dao quắm thực H hành vi chặt phát thực bì gồm cây bụi và các cây thân gỗ rừng tự nhiên có đường kính từ khoảng 06cm đến 20cm, còn một số cây gỗ to không dùng dao chặt được nên vẫn để lại. P và T chặt phát liên tục trong vòng 04 ngày thì được một thửa đất có diện tích 4.488m^2.

Sau khi phát xong được khoảng 05 ngày, P và T thống nhất với nhau, nhờ chồng của T là Ma Văn H sinh năm 1991 (trú cùng thôn) dùng máy cưa xăng cắt hạ hộ một số cây gỗ to (khoảng 7-8 cây), còn để lại một số cây làm bóng mát. T là người trực tiếp bảo H đi hộ cắt cây làm củi thì H đồng ý, do không có máy cưa nên H đến nhà anh trai ruột là Ma Văn K (tên gọi khác Mèo) sinh năm 1981, trú cùng thôn để mượn máy cưa, khi đến nhà anh Khanh, H hỏi mượn máy cưa về cắt củi, anh Khanh đồng ý và cho H mượn máy cưa xăng nhãn hiệu BOONGHAY loại

ATK 687, số máy: 1HN6/7J0168, cũ đã qua sử dụng. Sau khi mượn được máy cưa và chuẩn bị xăng, P và T dẫn H lên khu rừng Khuổi Pết nơi P và T đã dùng dao chặt phát trước đó. Đến nơi H hỏi rừng ai phát nhưng P và T đều nói không biết và bảo H cắt khoảng 7-8 cây gỗ to về làm củi (không chỉ và không xác định cụ thể là những cây nào), quá trình cắt H thấy các cây đều dễ cắt và nghĩ đã có người khác phát thì cắt một số cây về làm củi không sao nên đã tự ý cắt thêm một số cây gỗ còn lại, H cắt khoảng 02 giờ đồng hồ thì cắt đổ 35 cây gỗ tự nhiên thông thường có đường kính trung bình từ 20cm đến 40cm, khối lượng là 7,854m^3. Sau khi cắt xong H cùng P, T đi về nhà.

Tại biên bản khám nghiệm H trường ngày 12/01/2022 xác định tổng diện tích rừng bị thiệt hại do Hoàng Thị P và Hoàng Thị T chặt phát là 4.488m^2 *(Bốn nghìn bốn trăm tám mươi tám mét vuông)*. Trong đó lâm sản do Hoàng Thị P và Hoàng Thị T dùng dao chặt đổ gây thiệt hại là 11,367 m^3 *(Mười một phẩy ba trăm sáu mươi bảy mét khối)*; Ma Văn H dùng máy cưa xăng cắt đổ 35 cây gỗ có khối lượng là 7,854 m^3 *(Bảy phẩy tám trăm năm mươi tư mét khối)* đều thuộc gỗ loài thực vật thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII. H trường xác định tại lô số 14, trạng thái HG1 (Rừng hỗn giao G-TN tự nhiên núi đất) và lô 17, trạng thái TXP (Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX phục hồi), khoảnh 231B, chức năng rừng phòng hộ là rừng tự nhiên (theo bản đồ quy hoạch điều chỉnh quy hoạch phân 3 loại rừng tại QĐ số 1859/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang, H tại do UBND xã Y.L quản lý, bảo vệ).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 12/KL-HĐĐGTS ngày 25/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chiêm Hóa, kết luận: Trị giá tài sản trong vụ Hủy hoại rừng, xảy ra tháng 10/2021 tại khu vực rừng Khuổi Pết thuộc thôn Tin Kéo, xã Y.L, huyện Chiêm Hóa có tổng trị giá là **25.303.600 đồng** *(Hai mươi năm triệu ba trăm linh ba nghìn sáu trăm đồng chẵn)*. Cụ thể:

+ 37 đoạn gỗ thân cành từ nhóm V đến nhóm VIII, khối lượng 7,353m^3 có trị giá là 10.898.600 đồng *(Mười triệu tám trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm đồng chẵn)*.

+ 35 đoạn gốc gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII, khối lượng 0,501m^3 có trị giá là 717.400 đồng *(Bảy trăm mười bảy nghìn bốn trăm đồng chẵn)*.

+ 153 đoạn gỗ thân cành từ nhóm V đến nhóm VIII, khối lượng 10,705m^3 có trị giá là 12.993.600 đồng *(Mười hai triệu chín trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm đồng chẵn)*.

+ 146 đoạn gốc gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII, khối lượng 0,662m^3 có trị giá là 694.000 đồng *(Sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng chẵn)*.

Căn cứ vào BB khám nghiệm H trường và bản kết luận định giá tài sản nêu trên xác định: Số lâm sản (gồm gốc, thân, cành) khối lượng 7,854 m^3 do Ma Văn H gây thiệt hại có trị giá là: 11.616.000đ; Số lâm sản (gồm gốc, thân, cành) khối lượng 11,367 m^3 do Hoàng Thị P và Hoàng Thị T gây thiệt hại có trị giá là: 13.687.600đ.

* Về vật chứng: Quá trình kiểm tra xác minh Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ: 01 máy cưa xăng, nhãn hiệu BOONGHAY loại ATK 687, số máy: 1HN6/7J0168, cũ đã qua sử dụng; 01 dao quắm chuôi bằng gỗ kích thước 60cm x

05cm, cũ đã qua sử dụng; 01 dao quắm chuôi bằng gỗ kích thước 60cm x 05cm, cũ đã qua sử dụng. Ngày 12/5/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Chiêm Hóa đã trả lại chiếc máy cưa xăng trên cho anh Ma Văn K là chủ sở hữu hợp pháp.

* Về trách nhiệm dân sự: Ông Sầm Văn C - Phó chủ tịch UBND xã Y.L (là đại diện theo Ủy quyền của Chủ tịch UBND xã Y.L) đề nghị các bị cáo bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số: 48/CT-VKSCH ngày 10/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa truy tố các bị cáo Hoàng Thị P, Hoàng Thị T về tôi "*Hủy hoại rừng"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự và bị cáo Ma Văn H về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Thị P, Hoàng Thị T và Ma Văn H tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Các bị cáo Hoàng Thị P, Hoàng Thị T về tôi "*Hủy hoại rừng"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự và bị cáo Ma Văn H về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

* Về hình phạt chính:

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị P 01 năm 02 tháng đến 01 năm 05 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 02 năm 04 tháng đến 02 năm 10 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt Hoàng Thị T 01 năm đến 01 năm 02 tháng tù, cho hưởng án treo. Thử thách từ 02 năm đến 02 năm 04 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt Ma Văn H 06 tháng đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo. Thử thách 01 năm đến 01 năm 04 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều là thuộc diện hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc các bị cáo phải bồi thường cho Nhà nước giá trị lâm sản bị thiệt hại tổng cộng số tiền 25.303.600 đồng. Trong đó: Các bị cáo Hoàng Thị P, Hoàng Thị T phải bồi thường số tiền là 13.687.600 đồng (*Chia ra:Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 6.843.800 đồng, ghi nhận các bị cáo đã tự nguyện nộp bồi thường mỗi bị cáo là 2.000.000 đồng theo biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, các bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho Nhà nước số tiền 4.843.800 đồng);* bị cáo Ma Văn H phải bồi thường số tiền là 11.616.000 đồng, ghi nhận bị cáo đã tự nguyện nộp bồi thường là 2.000.000 đồng theo biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho Nhà nước số tiền 9.616.000 đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX xử lý vật chứng, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Thị P, Hoàng Thị T và Ma Văn H trình bày quan điểm bào chữa: Nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát về phần tội danh, về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt nhẹ nhất mà Viện kiểm sát đề nghị và cho các bị cáo được hưởng án treo. Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Đề nghị HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận mỗi bị cáo đã tự nguyện bồi thường trước số tiền 2.000.000 đồng, riêng bị cáo P đã nộp trước tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Nguyên đơn dân sự có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại giai đoạn điều tra, giữ nguyên yêu cầu bồi thường dân sự đối với giá trị số lâm sản do bị cáo H gây thiệt hại là 11.616.000 đồng và số lâm sản do các bị cáo P, T gây thiệt hại là 13.687.600 đồng và có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Kết thúc phần tranh luận các bị cáo nói lời sau cùng: Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về hành vi, quyết định tố tụng: Điều tra viên và Cơ quan điều tra Công an huyện; Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân huyện, trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, thủ tục thu giữ, xử lý vật chứng đã thực H đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực H đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, đã có lời khai làm rõ trong hồ sơ vụ án, không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự HĐXX vẫn tiếp tục xét xử.

Về tư cách tham gia tố tụng của UBND xã Y.L, HĐXX thấy rằng UBND xã Y.L không phải là người bị thiệt hại trực tiếp về tài sản, UBND xã chỉ là người đại diện cho Nhà nước để quản lý tài nguyên rừng tại địa phương và có đưa ra yêu cầu bồi thường thiệt hại cho Nhà nước. Do đó, cần xác định UBND xã Y.L là nguyên đơn dân sự.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; căn cứ biên bản khám nghiệm H trường, sơ đồ H trường, bản ảnh H trường, vật chứng thu giữ được, kết luận định giá tài sản, ý kiến của nguyên đơn dân sự, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các tài liệu, chứng cứ hoàn toàn phù hợp và đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 10/2021 (không rõ ngày cụ thể), tại lô 14, trạng thái HG1 (Rừng hỗn giao G-TN tự nhiên núi đất) và lô 17, trạng thái TXP (Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX phục hồi), khoảnh 231B, chức năng rừng phòng hộ là rừng tự nhiên (theo bản đồ quy hoạch điều chỉnh quy hoạch phân 3 loại rừng tại QĐ số 1859/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang, H tại do UBND xã Y.L quản lý, bảo vệ), Hoàng Thị P sinh năm 1990 và Hoàng Thị T sinh năm 1995 cùng trú tại thôn Tin Kéo, xã Y.L, huyện Chiêm Hóa đã có hành vi hủy hoại 4.488m^2 rừng phòng hộ là rừng tự nhiên với khối lượng lâm sản bị thiệt hại là 11,367m^3 gỗ loài thực vật thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII có trị giá là: **13.687.600 đồng** *(Mười ba triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm đồng chẵn)*; Ma Văn H sinh năm 1991 trú tại thôn Tin Kéo, xã Y.L, huyện Chiêm Hóa đã có hành vi khai thác trái phép 35 cây gỗ loài thực vật thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII, tổng khối lượng 7,854m^3, có trị giá là: **11.616.000 đồng** *(Mười một triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng chẵn)*.

Hành vi hủy hoại 4.488m^2 rừng phòng hộ là rừng tự nhiên với khối lượng lâm sản bị thiệt hại là 11,367m^3 gỗ loài thực vật thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII của các bị cáo Hoàng Thị P, Hoàng Thị T đã phạm vào *tội "Hủy hoại rừng"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Hành vi khai thác trái phép 35 cây gỗ loài thực vật thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII, tổng khối lượng 7,854m^3 của bị cáo Ma Văn H đã phạm vào tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ thực H hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách quản lý, bảo vệ rừng của Nhà nước; diện tích rừng các bị hủy hoại, khai thác có chức năng là rừng phòng hộ. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sinh thái, tài nguyên rừng là nguyên nhân có thể dẫn đến những hậu quả như thiên tai, lũ lụt, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống và gây thiệt hại về kinh tế cho Nhà nước.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Hoàng Thị P và Hoàng Thị T trong tội "Hủy hoại rừng" thì các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, thống nhất, việc thực H hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất bột phát, trong quá trình đi lấy củi các bị cáo đã rủ nhau phát nương trồng cây, trong vụ án này không có người chủ mưu, cầm đầu và không có người giữ vai trò tổ chức. Bị cáo P là người rủ bị cáo T, sau đó T đồng ý và cả hai cùng nhau thực H hành vi phát rừng. Mục đích của các bị cáo đơn giản là để trồng cây Bồ đề chứ không có mục đích nào khác.

Đối với bị cáo Ma Văn H là chồng của bị cáo T, được bị cáo T nhờ đi khai thác khoảng 07 đến 08 cây gỗ để làm củi sử dụng cho gia đình. Tuy nhiên, trong khi khai thác bị cáo đã tự ý cắt hết nhưng cây gỗ còn lại trên diện tích rừng đã được P và T chặt phá từ trước. Bản thân bị cáo không biết bị cáo P và bị cáo T là người chặt phá diện tích rừng này. Một mình bị cáo đã thực H hành vi khai thác gỗ trái phép. Đối với bị cáo T là người nhờ bị cáo H cắt cây làm củi nhưng không xác định được cụ thể T nhờ H cắt cây nào nên không có căn cứ xác định vai trò đồng phạm của T đối với hành vi "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản".

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được diện tích rừng mà các bị cáo hủy hoại, khai thác không phải là tài sản của các bị cáo mà là tài sản của Nhà nước, do Ủy ban nhân dân xã Y.L quản lý. Nhưng, vì lợi ích kinh tế, sự thiếu hiểu biết nên các bị cáo đã thực H hành vi phạm tội. Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, thiệt hại thực tế xảy ra Hội đồng xét xử thấy rằng, cần phải có mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của từng bị cáo để răn đe, giáo dục các bị cáo, đồng thời góp phần vào công tác tuyên truyền, đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung tại địa phương.

Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo đều là hộ nghèo, có trình độ văn hóa thấp, bị cáo P 8/12, bị cáo H 9/12, riêng bị cáo T là người không được đi học (học vấn 0/12). Các bị cáo thực H hành vi phạm tội phần nào do lạc hậu, thiếu hiểu biết với suy nghĩ đơn giản là phát nương để trồng rừng. Các bị cáo Hoàng Thị P Hoàng Thị T, Ma Văn H đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại theo yêu cầu bồi thường của nguyên đơn dân sự, các bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương, trong đơn xin xét xử vắng mặt UBND xã Y.L có ý kiến đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bố đẻ bị

cáo H đồng thời là bố chồng các bị cáo T, P là Thương binh, là người bị nhiễm chất độc hóa học trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà HĐXX cần xem xét cho các bị cáo được hưởng trong khi quyết định hình phạt.

Riêng bị cáo Ma Văn H "*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*", do đó cần áp dụng cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt, không có tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo sinh ra và lớn lên trong môi trường khó khăn cả về kinh tế và xã hội, các bị cáo phạm tội một phần do hạn chế về nhận thức và thiếu hiểu biết. Vì vậy, không cần thiết phải buộc các bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng hình phạt tù có điều kiện đối với các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Về mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các nội dung khác mà Kiểm sát viên và Trợ giúp viên pháp lý đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4]. Hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác định các bị cáo có nghề nghiệp làm ruộng nhưng thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị; các bị cáo thuộc diện hộ nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự, Ủy ban nhân dân xã Y.L, huyện Chiêm Hóa yêu cầu bồi thường dân sự đối với giá trị số lâm sản do bị cáo H gây thiệt hại là 11.616.000 đồng và số lâm sản do bị cáo P, T gây thiệt hại là 13.687.600 đồng, mỗi bị cáo P, T phải bồi thường là 6.843.800 đồng, tương ứng với giá trị cây rừng mà các bị cáo đã khai thác, hủy hoại. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu bồi thường của nguyên đơn dân sự là có căn cứ, các bị cáo nhất trí bồi thường nhưng chưa bồi thường được hết do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Các bị cáo P, T, H mỗi bị cáo đã tự nguyện bồi thường trước số tiền 2.000.000 đồng. Nên cần ghi nhận số tiền các bị cáo đã tự nguyện bồi thường này và buộc các bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho Nhà nước số tiền còn lại. Riêng bị cáo P đã tự nguyện nộp trước tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[6]. Về xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo bản án và các vấn đề khác:

- Về xử lý vật chứng: Đối với 02 con dao quắm chuôi bằng gỗ kích thước 60cm x 05cm, cũ đã qua sử dụng đây là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng trực tiếp vào việc thực H hành vi phạm tội, không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 máy cưa xăng, nhãn hiệu BOONGHAY loại ATK 687, số máy: 1HN6/7J0168, cũ đã qua sử dụng. Ngày 12/5/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Chiêm Hóa đã trả lại chiếc máy cưa xăng trên cho anh Ma Văn K là chủ sở hữu hợp pháp nên HĐXX không xem xét, xử lý.

- Đối với anh Ma Văn K do không biết việc bị cáo Ma Văn H mượn máy cưa xăng để thực H hành vi phạm tội nên HĐXX không xem xét, xử lý.

- Đối toàn bộ số lâm sản bị thiệt hại là 19,221 m^3 (11,367m^3 + 7,854m^3) và diện tích thực địa bị hủy hoại là 4.488 m^2 giao cho UBND xã Y.L, huyện Chiêm Hóa bảo vệ, quản lý theo thẩm quyền.

- Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền các bị cáo phải bồi thường, nhưng do gia đình các bị cáo thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa các bị cáo đều có ý kiến xin miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nên HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo. Các bị cáo vẫn phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự; các Điều 106, 135, 136, 331 và 333 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị P, Hoàng Thị T phạm tội: *"Hủy hoại rừng*".

- Xử phạt Hoàng Thị P 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/8/2022).

- Xử phạt Hoàng Thị T 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo, thử thách 02 (hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/8/2022).

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; các Điều 106, 135, 136, 331 và 333 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên bố Ma Văn H phạm tội *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*.

- Xử phạt Ma Văn H 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 01 (một) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/8/2022).

Giao các bị cáo Hoàng Thị P, Hoàng Thị T và Ma Văn H cho Uỷ ban nhân dân xã Y.L, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực H theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Hoàng Thị P, Hoàng Thị T mỗi bị cáo phải bồi thường cho Nhà nước số tiền là 6.843.800 đồng *(Sáu triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm đồng)*. Bị cáo Ma Văn H phải bồi thường số tiền 11.616.000 đồng (*Mười một triệu, sáu trăm mười sáu nghìn đồng).*

Ghi nhận các bị cáo Hoàng Thị T, Ma Văn H, Hoàng Thị P mỗi bị cáo đã bồi thường 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002566 và số AA/2021/002565, ngày 29/7/2022; Biên lai thu số AA/2001/0001598 ngày 01/8/2022. Số tiền này được sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Hoàng Thị P phải bồi thường tiếp số tiền 4.843.800 đồng (*Bốn triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm đồng)* để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Hoàng Thị T phải bồi thường tiếp số tiền 4.843.800 đồng *(Bốn triệu tám trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm đồng)* để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Ma Văn H phải bồi thường tiếp số tiền 9.616.000 đồng *(Chín triệu, sáu trăm mười sáu nghìn đồng)* để sung vào ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp luật có quy định khác.

3. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 02 dao quắm chuôi bằng gỗ kích thước 60cm x 05cm, dao cũ đã qua sử dụng. Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Chiêm Hóa và Chi cục thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa lập ngày 24/6/2022.

- Giao cho Ủy ban nhân dân xã Y.L, huyện Chiêm Hóa là người quản lý hợp pháp và xử lý theo thẩm quyền toàn bộ:

+ 37 đoạn gỗ thân cành từ nhóm V đến nhóm VIII, khối lượng 7,353m^3 có trị giá là 10.898.600 đồng *(Mười triệu tám trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm đồng chẵn)*.

+ 35 đoạn gốc gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII, khối lượng 0,501m^3 có trị giá là 717.400 đồng *(Bảy trăm mười bảy nghìn bốn trăm đồng chẵn)*.

+ 153 đoạn gỗ thân cành từ nhóm V đến nhóm VIII, khối lượng 10,705m^3 có trị giá là 12.993.600 đồng *(Mười hai triệu chín trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm đồng chẵn)*.

+ 146 đoạn gốc gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII, khối lượng 0,662m^3 có trị giá là 694.000 đồng *(Sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng chẵn)*.

Số gỗ này Công an huyện Chiêm Hóa đã giao cho UBND xã Y.L, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, tại Biên bản làm việc ngày 16/12/2021.

4. Về án phí và quyền kháng cáo:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo.

- Các bị cáo Hoàng Thị P, Hoàng Thị T, Ma Văn H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000^đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Ghi nhận bị cáo Hoàng Thị Bảo đã nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm tại biên lai thu số AA/2021/0001598 ngày 01/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Bị cáo P đã nộp đủ án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực H theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- CQCSĐT CA huyện Chiêm Hóa;
- CQTHAHS CA huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện CH;
- Bộ phận HSNV CA huyện Chiêm Hóa;
- Sở tư pháp;
- UBND xã Y.L;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Tuấn Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Anh Tuấn - Trần Thị Sáu **Lê Tuấn Tú**